

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN IN SÁCH GIÁO KHOA
TẠI THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

(đã được kiểm toán)



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 03
Báo cáo kiểm toán độc lập	04
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	05 - 30
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08
Thuyết minh báo cáo tài chính	09 - 30

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội tiền thân là Nhà máy In Sách giáo khoa - trực thuộc Bộ Giáo dục được thành lập theo Quyết định số 644/QĐ-GD ngày 09 tháng 09 năm 1975 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục. Ngày 12 tháng 09 năm 1995, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành quyết định số 3268/QĐ-GD&ĐT về việc chuyển Nhà máy In Sách giáo khoa trực thuộc Nhà xuất bản Giáo dục.

Ngày 29 tháng 03 năm 2004, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 1576/QĐ-BGD&ĐT-TCC về việc chuyển Nhà máy In Sách giáo khoa thuộc Nhà xuất bản Giáo dục thành Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101493707 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 05 năm 2004, đến nay cấp thay đổi gần nhất (lần 07) vào ngày 03 tháng 03 năm 2022.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tổ 60, thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Nguyễn Thị Thu Hồng	Chủ tịch	(Bổ nhiệm Thành viên HĐQT ngày 20 tháng 04 năm 2024, bổ nhiệm Chủ tịch HĐQT ngày 22 tháng 04 năm 2024)
Bà Vũ Thị Hảo	Chủ tịch	(Hết nhiệm kì ngày 20 tháng 04 năm 2024)
Ông Ngô Quang Thân	Phó Chủ tịch	(Tiếp tục bổ nhiệm Thành viên HĐQT ngày 20 tháng 04 năm 2024, tiếp tục bổ nhiệm Phó chủ tịch HĐQT ngày 22 tháng 04 năm 2024)
Ông Lê Đăng Khoa	Thành viên	(Tiếp tục bổ nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2024)
Ông Hoàng Hồng Hương	Thành viên	(Tiếp tục bổ nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2024)
Ông Nguyễn Duy Cường	Thành viên	(Bổ nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2024)
Ông Phạm Ngọc Sơn	Thành viên	(Hết nhiệm kì ngày 20 tháng 04 năm 2024)

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Ông Ngô Quang Thân	Giám đốc	(Tiếp tục bổ nhiệm ngày 05 tháng 12 năm 2024)
Ông Ngô Đắc Nam	Phó Giám đốc	(Tiếp tục bổ nhiệm ngày 05 tháng 12 năm 2024)

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến ngày lập báo cáo tài chính này là Ông Ngô Quang Thân - Giám đốc.

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Bà Tạ Thị Thanh Huyền	Trưởng Ban kiểm soát	(Bổ nhiệm Thành viên Ban kiểm soát ngày 20 tháng 04 năm 2024, bổ nhiệm Trưởng Ban kiểm soát ngày 22 tháng 04 năm 2024)
Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Trưởng Ban kiểm soát	(Hết nhiệm kì ngày 20 tháng 04 năm 2024)
Ông Nguyễn Đắc Huân	Kiểm soát viên	(Tiếp tục bổ nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2024)
Bà Nguyễn Thị Luyến	Kiểm soát viên	(Bổ nhiệm ngày 20 tháng 04 năm 2024)
Ông Lê Quang Hà	Kiểm soát viên	(Hết nhiệm kì ngày 20 tháng 04 năm 2024)

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC đã thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty tuân thủ Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán và Thông tư số 68/2024/TT-BTC ngày 18 tháng 09 năm 2024 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 96/2020/TT-BTC.

Thay mặt Ban Giám đốc

Ngô Quang Thân

Giám đốc

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2025



Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội ("Công ty") được lập ngày 05 tháng 03 năm 2025, từ trang 05 đến trang 30, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hoàng Thúy Nga

Giám đốc kiểm toán

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 0762-2023-002-1

Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2025

Nguyễn Trường Minh

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 2290-2023-002-1

T: (84) 24 3824 1990 | F: (84) 24 3825 3973 | 1 Le Phung Hieu, Hanoi, Vietnam



BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		18.276.413.676	17.692.501.235
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	3	5.724.828.811	2.888.509.035
111	1. Tiền		5.724.828.811	2.888.509.035
130	II. Các khoản phải thu ngắn hạn		8.463.884.869	11.079.077.127
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	4	8.171.285.513	7.856.206.204
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5	192.700.000	125.232.369
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	6	-	3.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	7	165.099.356	162.838.554
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		(65.200.000)	(65.200.000)
140	III. Hàng tồn kho	9	3.695.974.488	3.055.235.521
141	1. Hàng tồn kho		3.695.974.488	3.055.235.521
150	IV. Tài sản ngắn hạn khác		391.725.508	669.679.552
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	10	391.725.508	266.179.672
153	2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	15	-	403.499.880
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		32.718.192.866	32.232.005.402
220	I. Tài sản cố định		12.947.127.860	12.934.808.765
221	1. Tài sản cố định hữu hình	11	12.864.327.860	12.934.808.765
222	- Nguyên giá		60.394.147.221	59.660.661.662
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(47.529.819.361)	(46.725.852.897)
227	2. Tài sản cố định vô hình	12	82.800.000	-
228	- Nguyên giá		92.000.000	-
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(9.200.000)	-
240	II. Tài sản dở dang dài hạn		18.182.714.381	17.072.522.147
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	13	18.182.714.381	17.072.522.147
260	III. Tài sản dài hạn khác		1.588.350.625	2.224.674.490
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	10	1.588.350.625	2.224.674.490
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		50.994.606.542	49.924.506.637

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024
(Tiếp theo)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2024 VND	01/01/2024 VND
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		25.799.644.242	24.486.799.657
310	I. Nợ ngắn hạn		25.749.644.242	24.436.799.657
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14	4.277.627.815	4.087.001.825
313	2. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15	386.195.627	348.881.697
314	3. Phải trả người lao động		1.878.798.321	1.721.146.955
315	4. Chi phí phải trả ngắn hạn		60.000.000	55.000.000
319	5. Phải trả ngắn hạn khác	16	18.942.846.889	18.173.931.552
322	6. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		204.175.590	50.837.628
330	II. Nợ dài hạn		50.000.000	50.000.000
337	1. Phải trả dài hạn khác	16	50.000.000	50.000.000
400	D. VỐN CHỦ SỞ HỮU		25.194.962.300	25.437.706.980
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	25.194.962.300	25.437.706.980
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		20.959.850.000	20.959.850.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		20.959.850.000	20.959.850.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		229.755.263	229.755.263
418	3. Quỹ đầu tư phát triển		2.589.722.101	2.589.722.101
421	4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		1.415.634.936	1.658.379.616
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước		25.352.154	1.239.432
421b	- LNST chưa phân phối năm nay		1.390.282.782	1.657.140.184
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		50.994.606.542	49.924.506.637



Vũ Thị Hòa
Người lập biểu




Vũ Thị Hòa
Kế toán trưởng




Ngô Quang Thân
Giám đốc
Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2025


BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2024

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	19	40.545.434.658	42.426.279.791
10	2. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ		40.545.434.658	42.426.279.791
11	3. Giá vốn hàng bán	20	32.893.360.061	34.563.244.977
20	4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		7.652.074.597	7.863.034.814
21	5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	275.501.444	257.686.561
25	6. Chi phí bán hàng	22	497.899.484	185.834.000
26	7. Chi phí quản lý doanh nghiệp	23	6.465.366.935	6.505.278.838
30	8. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		964.309.622	1.429.608.537
31	9. Thu nhập khác	24	827.473.662	706.165.141
32	10. Chi phí khác		13.751.105	10.287.788
40	11. Lợi nhuận khác		813.722.557	695.877.353
50	12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		1.778.032.179	2.125.485.890
51	13. Chi phí thuế TNDN hiện hành	25	387.749.397	468.345.706
60	14. Lợi nhuận sau thuế TNDN		<u>1.390.282.782</u>	<u>1.657.140.184</u>
70	15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	26	663	791


Vũ Thị Hòa
Người lập biểu


Vũ Thị Hòa
Kế toán trưởng




Ngô Quang Thân
Giám đốc
Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Năm 2024
(Theo phương pháp gián tiếp)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		1.778.032.179	2.125.485.890
	2. Điều chỉnh cho các khoản			
02	- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư		2.453.032.757	2.809.625.089
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(372.483.262)	(338.559.288)
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		3.858.581.674	4.596.551.691
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu		(11.821.561)	(302.265.742)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(640.738.967)	(265.727.894)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả		1.541.920.568	721.958.813
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		510.778.029	189.506.918
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(333.625.132)	(478.163.444)
17	- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(12.500.000)	(115.450.000)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		4.912.594.611	4.346.410.342
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác		(4.012.082.296)	(3.053.577.699)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		96.981.818	80.872.727
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		(12.500.000.000)	(1.500.000.000)
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của đơn vị khác		15.500.000.000	2.000.000.000
27	5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		306.015.143	256.586.561
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(609.085.335)	(2.216.118.411)
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
36	1. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu		(1.467.189.500)	(1.662.907.502)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		(1.467.189.500)	(1.662.907.502)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		2.836.319.776	467.384.429
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		2.888.509.035	2.421.124.606
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	3	5.724.828.811	2.888.509.035



Vũ Thị Hòa
Người lập biểu



Vũ Thị Hòa
Kế toán trưởng



Ngô Quang Thân
Giám đốc
Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2025

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Năm 2024

1 ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội tiền thân là Nhà máy In Sách giáo khoa - trực thuộc Bộ Giáo dục được thành lập theo Quyết định số 644/QĐ-GD ngày 09 tháng 09 năm 1975 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục. Ngày 12 tháng 09 năm 1995, Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành quyết định số 3268/QĐ-GD&ĐT về việc chuyển Nhà máy In Sách giáo khoa trực thuộc Nhà xuất bản Giáo dục.

Ngày 29 tháng 03 năm 2004 Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quyết định số 1576/QĐ-BGD&ĐT-TCC về việc chuyển Nhà máy In Sách giáo khoa thuộc Nhà xuất bản Giáo dục thành Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0101493707 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 20 tháng 05 năm 2004, cấp thay đổi gần nhất (lần 07) vào ngày 03 tháng 03 năm 2022.

Vốn điều lệ của Công ty là 20.959.850.000 VND, tương đương 2.095.985 cổ phần, mệnh giá 1 cổ phần là 10.000 VND.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là: 73 người (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là: 70 người).

Lĩnh vực kinh doanh: In ấn sách và các sản phẩm giáo dục.

Ngành nghề kinh doanh: Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- In sách giáo khoa, sách khác, báo, tạp chí, tập san, nhãn, biểu, sản phẩm bao bì và các giấy tờ quản lý, kinh tế, xã hội;
- Sản xuất và kinh doanh các loại sản phẩm: Giấy kẻ, vở học sinh, nhãn vở, sổ tay và các loại văn phòng phẩm;
- Xuất nhập khẩu các loại vật tư, hàng hóa, thiết bị kỹ thuật in phục vụ sản xuất kinh doanh;
- Kinh doanh vật tư, thiết bị ngành in và các loại hàng hóa (doanh nghiệp chỉ kinh doanh khi có đủ điều kiện quy định của pháp luật).

2 CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

2.1 Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

2.2 Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC.

Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của

từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành đang áp dụng.

2.3 Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc năm tài chính cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính.

Các ước tính và giả định có ảnh hưởng trọng yếu trong báo cáo tài chính bao gồm:

- Dự phòng phải thu khó đòi;
- Dự phòng giảm giá hàng tồn kho;
- Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định;
- Thời gian phân bổ chi phí trả trước;
- Phân loại và dự phòng các khoản đầu tư tài chính;
- Ước tính thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính của Công ty và được Ban Giám đốc Công ty đánh giá là hợp lý.

2.4 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

2.5 Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, các khoản cho vay được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Dự phòng các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

2.6 Các khoản nợ phải thu

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các khế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

2.7 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm: chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Sau ghi nhận ban đầu, tại thời điểm lập báo cáo tài chính nếu giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho thấp hơn giá gốc thì hàng tồn kho được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền tháng.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp xác định giá trị sản phẩm dở dang cuối năm: chi phí sản xuất kinh doanh dở dang được tập hợp theo chi phí phát sinh thực tế cho từng loại sản phẩm chưa hoàn thành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm căn cứ theo số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

2.8 Tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Nếu phát sinh các khoản chi phí sau ghi nhận ban đầu làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Các chi phí khác phát sinh sau khi tài sản cố định đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 năm
- Máy móc, thiết bị	03 - 15 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Phần mềm quản lý	05 năm

2.9 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.

2.10 Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.11 Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) là thỏa thuận bằng hợp đồng của hai hoặc nhiều bên để cùng thực hiện hoạt động kinh tế nhưng không hình thành pháp nhân độc lập. Hoạt động này có thể được đồng kiểm soát bởi các bên góp vốn theo thỏa thuận liên doanh hoặc kiểm soát bởi một trong số các bên tham gia.

Theo các điều khoản thỏa thuận tại BCC, các bên cùng nhau phân chia lãi, lỗ theo kết quả kinh doanh của BCC. Công ty thực hiện ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần doanh thu, chi phí và lợi nhuận tương ứng với phần được chia theo thỏa thuận của BCC căn cứ trên thông báo từ BCC.

2.12 Chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các loại chi phí trả trước của Công ty bao gồm:

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản mà Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu đồng và do đó không đủ điều kiện để ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá công cụ dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 6 tháng đến 36 tháng.

Chi phí trả trước khác được ghi nhận theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu dụng từ 06 tháng đến 36 tháng.

2.13 Các khoản nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên báo cáo tài chính căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

2.14 Chi phí phải trả

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong năm báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của năm báo cáo.

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong năm. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

2.15 Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh chênh lệch giữa mệnh giá, chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu và giá phát hành cổ phiếu (kể cả các trường hợp tái phát hành cổ phiếu quỹ) và có thể là thặng dư dương (nếu giá phát hành cao hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu) hoặc thặng dư âm (nếu giá phát hành thấp hơn mệnh giá và chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành cổ phiếu).

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam.

2.16 Doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

Doanh thu cung cấp dịch vụ

- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

2.17 Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong năm, được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong năm và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, chi phí nhân công và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho, dự phòng giảm giá hàng tồn kho, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan... được ghi nhận đầy đủ và kịp thời vào giá vốn hàng bán trong năm kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

2.18 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN trong năm tài chính hiện hành.

Thuế suất thuế TNDN năm hiện hành

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

2.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập Quỹ Khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

2.20 Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.21 Thông tin bộ phận

Một bộ phận là một cấu phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính của Công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Công ty một cách toàn diện.

3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Tiền mặt	105.788.145	109.354.065
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.619.040.666	2.779.154.970
	<u>5.724.828.811</u>	<u>2.888.509.035</u>

4 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	1.383.384.407	-	2.281.641.417	-
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	1.155.334.051	-	2.176.290.750	-
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản Giáo dục	41.025.702	-	5.185.350	-
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	187.024.654	-	100.165.317	-

4 PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG (TIẾP THEO)

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác	6.787.901.106	-	5.574.564.787	-
Công ty TNHH Phát triển Đông Phương	2.806.031.641	-	1.091.588.400	-
Công ty TNHH Chung Phát - Hưng Yên	-	-	1.688.464.764	-
Công ty TNHH Tầm nhìn Sáng tạo Bông Sen Global	867.339.888	-	796.043.948	-
Công ty CP Unitas Việt Nam	751.826.450	-	35.981.486	-
Các khách hàng khác	2.362.703.127	-	1.962.486.189	-
	8.171.285.513	-	7.856.206.204	-

5 TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
	VND	VND	VND	VND
Bên khác				
Phạm Phúc Hà	40.000.000	(40.000.000)	40.000.000	(40.000.000)
Công ty TNHH Chiến Thắng	25.200.000	(25.200.000)	25.200.000	(25.200.000)
Công ty TNHH Xây dựng Kiến trúc Nhà Xanh Việt Nam	70.000.000	-	-	-
Các người bán khác	57.500.000	-	60.032.369	-
	192.700.000	(65.200.000)	125.232.369	(65.200.000)

6 PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2024, Công ty có các khoản cho Công ty TNHH In Thanh Bình ("In Thanh Bình") vay với tổng giá trị là 3.000.000.000 VND theo các hợp đồng sau:

- Hợp đồng số 01-2023/HĐVV/SGK-TB ngày 22 tháng 05 năm 2023 và Phụ lục hợp đồng vay vốn số 324/HĐVV/SGK-TB ngày 21 tháng 11 năm 2023 số tiền là 1.500.000.000 VND có kỳ hạn 02 tháng (từ ngày 21/11/2023 đến ngày 21/01/2024), lãi suất 7,5%/năm.
- Hợp đồng số 02-2023/HĐVV/SGK-TB ngày 01 tháng 11 năm 2023 số tiền là 1.500.000.000 VND có kỳ hạn 03 tháng, lãi suất 7,5%/năm.

Trong năm, Công ty TNHH In Thanh Bình đã thanh toán đầy đủ gốc vay và lãi cho các hợp đồng vay nêu trên.

7 PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
Phải thu về vật tư cho mượn	29.121.068	-	23.874.252	-
Phải thu về lãi dự thu	-	-	30.513.699	-
Phải thu về tạm ứng	72.269.280	-	56.241.595	-
Phải thu khác	63.709.008	-	52.209.008	-
	165.099.356	-	162.838.554	-
Trong đó: Bên liên quan				
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	1.544.400	-	3.197.584	-
	1.544.400	-	3.197.584	-

8 NỢ XẤU

Các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi:

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
- Công ty TNHH Chiến Thắng	25.200.000	-	25.200.000	-
- Phạm Phúc Hà	40.000.000	-	40.000.000	-
	65.200.000	-	65.200.000	-

9 HÀNG TỒN KHO

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Nguyên liệu, vật liệu	3.526.064.337	-	2.692.780.845	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	115.672.351	-	362.454.676	-
	3.695.974.488	-	3.055.235.521	-

10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Công cụ dụng cụ xuất dùng	39.789.772	27.027.888
Chi phí sửa chữa phụ tùng máy móc	114.710.736	239.151.784
Chi phí nghỉ mát	237.225.000	-
	391.725.508	266.179.672
b) Dài hạn		
Chi phí sửa chữa lớn cải tạo văn phòng, nhà xưởng	1.588.350.625	2.224.674.490
	1.588.350.625	2.224.674.490

11 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Nguyên giá	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm	7.328.151.919	47.972.317.338	2.176.488.408	2.183.703.997	59.660.661.662
Mua trong năm	-	2.023.500.000	248.000.000	101.851.852	2.373.351.852
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.639.866.293)	-	-	(1.639.866.293)
Số dư cuối năm	7.328.151.919	48.355.951.045	2.424.488.408	2.285.555.849	60.394.147.221
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	5.350.038.109	38.906.395.716	2.176.488.408	292.930.664	46.725.852.897
Khấu hao trong năm	398.846.255	1.958.905.422	41.333.333	44.747.747	2.443.832.757
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.639.866.293)	-	-	(1.639.866.293)
Số dư cuối năm	5.748.884.364	39.225.434.845	2.217.821.741	337.678.411	47.529.819.361
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	1.978.113.810	9.065.921.622	-	1.890.773.333	12.934.808.765
Tại ngày cuối năm	1.579.267.555	9.130.516.200	206.666.667	1.947.877.438	12.864.327.860

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2024 là 38.610.904.451 VND (tại ngày 01 tháng 01 năm 2024 là 37.656.361.565 VND).

12 TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

Tài sản cố định vô hình của Công ty là phần mềm máy tính với nguyên giá 92.000.000 VND, hao mòn lũy kế tại ngày cuối năm là 9.200.000 VND, giá trị khấu hao trong năm là 9.200.000 VND.

13 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Dự án mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh (i)	18.182.714.381	17.072.522.147
	18.182.714.381	17.072.522.147

(i) Trong năm 2010, thực hiện chỉ đạo của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam, Công ty và một số đơn vị thành viên khác của Nhà Xuất bản Giáo dục Việt Nam đã ký kết hợp đồng hợp tác số 47/2010/HĐGV ngày 15/07/2010 để thực hiện đầu tư Dự án mở rộng mặt bằng sản xuất kinh doanh. Theo hợp đồng này, Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội sẽ đứng vai trò là chủ đầu tư của dự án, thực hiện các thủ tục đầu tư, tập hợp chi phí. Kinh phí để thực hiện dự án sẽ do các bên còn lại góp vốn theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng. Cụ thể:

- Địa điểm thực hiện dự án: tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội;
- Diện tích khu đất là 7.662 m²;
- Mục đích sử dụng đất: dùng làm kho, xưởng sản xuất của các bên liên quan. Sau khi hoàn thành, các đơn vị tham gia góp vốn đầu tư sẽ được sử dụng một phần diện tích đất được cấp cho Công ty Cổ phần In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội theo tỷ lệ vốn góp trên tổng vốn đầu tư của dự án để mở rộng sản xuất;
- Dự án đã được UBND thành phố Hà Nội cấp giấy chứng nhận đầu tư, Công ty đã hoàn thành các thủ tục cần thiết về quy hoạch, thiết kế, thực hiện giải phóng mặt bằng và đền bù cho các hộ dân có đất nông nghiệp nằm trong dự án và đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Trong năm 2019, ba bên góp vốn để thực hiện dự án là Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội, Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội và Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc đã gửi công văn yêu cầu rút vốn thực hiện dự án theo tỷ lệ góp vốn.

Trong năm 2022, ba bên góp vốn để thực hiện dự án nêu trên đã tiến hành các công việc đàm phán, ký kết hợp đồng để chuyển nhượng phần vốn góp của mình trong dự án cho Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ VSM ("VSM"). Sau khi 3 bên góp vốn hoàn thành các thủ tục phê duyệt chủ trương và ký kết hợp đồng chuyển nhượng, các bên sẽ ký văn bản để bàn giao các nghĩa vụ liên quan của dự án.

Trong năm 2023, cả 3 bên góp vốn đã chuyển nhượng xong phần vốn góp của mình cho VSM, và đã có công văn gửi cho Công ty để xác nhận hoàn thành chuyển nhượng phần vốn góp.

Về thủ tục pháp lý: trong năm 2020, Dự án đã được UBND thành phố Hà Nội chấp thuận cho gia hạn sử dụng đất 24 tháng theo Quyết định số 1786/QĐ-UBND ngày 04/05/2020. Đồng thời, ngày 14/09/2020, Công ty đã gửi công văn lên Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội đề nghị điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án Xây dựng mở rộng mặt bằng sản xuất tại xã Tiên Dương, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội. Ngày 15/10/2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành thông báo số 1069/TB-KH&ĐT gửi công ty với nội dung: Sở Kế hoạch và Đầu tư đang tiếp tục đôn đốc Sở Quy hoạch kiến trúc, sau khi nhận được ý kiến, Sở Kế hoạch và Đầu tư sẽ thẩm định, báo cáo UBND thành phố xem xét, quyết định đúng quy định. Ngày 18/11/2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã có Báo cáo thẩm định số 730/BC-KH&ĐT đề xuất UBND xem xét, quyết định điều chỉnh chủ trương dự án. Thực hiện chỉ đạo của UBND thành phố tại văn bản số 10616/VP-KT ngày 07/12/2020, Sở Kế hoạch và Đầu tư có văn bản 68/KH&ĐT-NNS ngày 07/01/2021 đề nghị các Sở: Quy hoạch - Kiến trúc, Tài nguyên và Môi trường và UBND huyện Đông Anh kiểm tra, rà soát theo chỉ đạo của UBND thành phố. Sau khi nhận được các văn bản của các Sở, ban ngành, ngày 05/03/2021, Sở Kế hoạch và Đầu tư đã ban hành văn bản số 816/KH&ĐT-NNS cho Công ty với nội dung đề nghị Công ty tiếp tục lập hồ sơ đề xuất chấp thuận điều chỉnh chủ trương đầu tư dự án theo quy định.

Ngày 27/04/2022, UBND huyện Đông Anh có văn bản số 812/UBND-QLĐT về việc xây dựng các hạng mục thuộc dự án Xây dựng mở rộng mặt bằng sản xuất của Công ty CP In Sách giáo khoa tại thành phố Hà Nội, trong đó thống nhất về mặt chủ trương với việc đề xuất xây dựng các hạng

mục thuộc dự án, quy mô đầu tư: 02 nhà xưởng 01 tầng, 01 nhà ăn cao 02 tầng, các hạng mục phụ trợ (cổng, tường rào, sân, vườn hoa...).

Ngày 19/07/2022, các sở ban ngành đã đến kiểm tra về việc thực hiện Kết luận thanh tra và việc Quyết định gia hạn sử dụng đất 24 tháng đối với Công ty. Theo đó, đoàn kiểm tra yêu cầu Công ty có trách nhiệm nộp hồ sơ điều chỉnh tiến độ dự án cho Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội.

Ngày 06/09/2023, UBND thành phố Hà Nội đã ban hành Quyết định 4422/QĐ-UBND về việc kéo dài thời gian gia hạn sử dụng đất 24 tháng do nguyên nhân bất khả kháng dịch bệnh Covid-19, đối với dự án.

Về tiến độ dự án: dự án đã hoàn thành một số công trình tường rào, sân, đường, cổng ra vào, nhà ăn ca... Công ty và VSM đang thực hiện việc đầu tư xây dựng 02 nhà xưởng và tiếp tục hoàn thiện các thủ tục pháp lý để đưa dự án vào hoạt động. Chi phí phát sinh trong năm tiếp tục được ghi nhận vào chi phí dự án là tiền thuê đất, và tiền thuê tư vấn pháp lý.

14 PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	31/12/2024		01/01/2024	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
	VND	VND	VND	VND
Bên liên quan	45.228.498	42.203.951	4.397.111	4.397.111
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	45.228.498	42.203.951	4.397.111	4.397.111
Bên khác	4.232.399.317	4.232.399.317	4.082.604.714	4.082.604.714
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Nhân Đạt	347.391.880	347.391.880	404.689.890	404.689.890
Công ty CP An Hùng Minh	254.672.000	254.672.000	428.181.600	428.181.600
Công ty CP Thương mại Dịch vụ Phát triển Đông Anh	1.649.161.665	1.649.161.665	1.048.884.740	1.048.884.740
Công ty TNHH Quảng cáo và Sản xuất nội thất Thăng Long	732.000.000	732.000.000	732.000.000	732.000.000
Các người bán khác	1.249.173.772	1.249.173.772	1.468.848.484	1.468.848.484
	4.277.627.815	4.274.603.268	4.087.001.825	4.087.001.825

15 THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỢ NHÀ NƯỚC

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải thu cuối năm	Số phải nộp cuối năm
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	-	246.847.833	1.163.424.803	1.180.235.138	-	230.037.498
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	102.011.462	387.749.397	333.625.132	-	156.135.727
Thuế thu nhập cá nhân	-	22.402	85.251.464	85.251.464	-	22.402
Thuế nhà đất và tiền thuế đất	403.499.880	-	1.225.805.795	822.305.915	-	-
	403.499.880	348.881.697	2.862.231.459	2.421.417.649	-	386.195.627

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

16 PHẢI TRẢ KHÁC

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
a) Ngắn hạn		
Kinh phí công đoàn	18.382.605	18.382.605
Phải trả Công ty CP Đầu tư Thương mại và Dịch vụ VSM về tiền góp vốn hợp đồng hợp tác đầu tư (i)	17.964.216.028	16.974.983.794
Phải trả về cổ tức	125.136.175	125.136.175
Phải trả về tiền Thuế thu nhập cá nhân	7.944.939	7.944.939
Phải trả về vật tư vay, mượn	174.524.590	180.673.013
Phải trả về tiền thù lao Hội đồng quản trị	46.100.000	128.000.000
Phải trả khác	606.542.552	738.811.026
	18.942.846.889	18.173.931.552
b) Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	50.000.000	50.000.000
	50.000.000	50.000.000
c) Trong đó: Bên liên quan		
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	75.789.257	32.184.491
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Giáo dục Hà Nội	15.130.126	15.130.126
	90.919.383	47.314.617

(i) Đây là tiền góp vốn của các bên để thực hiện hợp đồng hợp tác đầu tư số 47/2010/HĐGV ngày 15 tháng 07 năm 2010 (xem thêm Thuyết minh 13).

17 VỐN CHỦ SỞ HỮU

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	20.959.850.000	229.755.263	2.589.722.101	1.678.027.432	25.457.354.796
Lãi trong năm trước	-	-	-	1.657.140.184	1.657.140.184
Chia cổ tức	-	-	-	(1.676.788.000)	(1.676.788.000)
Số dư cuối năm trước	20.959.850.000	229.755.263	2.589.722.101	1.658.379.616	25.437.706.980
Lãi trong năm nay	-	-	-	1.390.282.782	1.390.282.782
Chia cổ tức	-	-	-	(1.467.189.500)	(1.467.189.500)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	(165.837.962)	(165.837.962)
Số dư cuối năm nay	20.959.850.000	229.755.263	2.589.722.101	1.415.634.936	25.194.962.300

Theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên 2024 số 01/NQ-ĐHĐCĐ/HAPCO ngày 20 tháng 04 năm 2024, việc phân phối lợi nhuận năm 2023 được thực hiện như sau:

	Tỷ lệ %	Số tiền VND
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2023		1.658.379.616
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	10%	165.837.962
Chi trả cổ tức (tương ứng mỗi cổ phần nhận 700 VND)	7%/cổ phần	1.467.189.500
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối còn lại		25.352.154

b) Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2024 VND	Tỷ lệ %	01/01/2024 VND	Tỷ lệ %
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	10.269.760.000	48,997	10.269.760.000	48,997
Nguyễn Đăng Dương	1.271.160.000	6,065	1.271.160.000	6,065
Nguyễn Thị Ngân	1.531.000.000	7,304	1.531.000.000	7,304
Các cổ đông khác	7.887.930.000	37,634	7.887.930.000	37,634
	20.959.850.000	100	20.959.850.000	100

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu năm	20.959.850.000	20.959.850.000
- Vốn góp cuối năm	20.959.850.000	20.959.850.000
Cổ tức, lợi nhuận:		
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả đầu năm	125.136.175	111.255.677
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả trong năm	1.467.189.500	1.676.788.000
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	1.467.189.500	1.676.788.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chi trả bằng tiền trong năm	1.467.189.500	1.662.907.502
+ <i>Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước</i>	1.467.189.500	1.662.907.502
- Cổ tức, lợi nhuận còn phải trả cuối năm	125.136.175	125.136.175

d) Cổ phiếu

	31/12/2024	01/01/2024
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	2.095.985	2.095.985
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	2.095.985	2.095.985
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.095.985	2.095.985
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2.095.985	2.095.985
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	2.095.985	2.095.985
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/ Cổ phiếu		

e) Các quỹ của công ty

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	2.589.722.101	2.589.722.101
	<u>2.589.722.101</u>	<u>2.589.722.101</u>

18 CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

a) Tài sản cho thuê ngoài

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2024, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng cho thuê hoạt động không hủy ngang theo các thời hạn được trình bày như sau:

	31/12/2024	01/01/2024
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	873.001.636	1.462.874.182
Từ 1 năm đến 5 năm	1.319.127.273	2.237.290.909

b) Cam kết thuê hoạt động

Công ty ký các hợp đồng thuê đất tại thị trấn Đông Anh, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội với Nhà nước để sử dụng cho mục đích làm trụ sở làm việc, nhà kho và xưởng sản xuất từ năm 2004 đến năm 2054. Diện tích đất thuê lần lượt là 28.465,6 m² và 7.662 m². Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất hàng năm cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo quy định hiện hành của Nhà nước.

c) Tài sản nhận giữ hộ, gia công

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty đang nhận giữ vật tư của các khách hàng để phục vụ cho hoạt động in, gồm:

	31/12/2024	01/01/2024
Bên liên quan		
Giấy cuộn các loại (kg)	11.907,00	11.347,00
- Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	-	763,00
- Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc	-	1.135,00
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	2.740,00	193,00
- Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	9.167,00	9.256,00
Tờ giấy đã cắt (tờ)	139.286,00	322.503,00
- Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	-	64.138,00
- Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc	-	11.870,00
- Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	32.922,00	44.906,00
- Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	106.364,00	201.589,00
Bên khác		
Giấy cuộn các loại (kg)	85.890,88	25.202,00
Tờ giấy đã cắt (tờ)	519.264,00	86.431,00

d) Ngoại tệ các loại

	31/12/2024	01/01/2024
USD	101,71	101,71
EUR	102,33	102,33

19 TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu dịch vụ in ấn	31.176.481.397	33.314.312.159
Doanh thu khác	9.368.953.261	9.111.967.632
	40.545.434.658	42.426.279.791
Trong đó: Doanh thu đối với các bên liên quan (Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)	27.855.788.004	28.371.424.909

20 GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Giá vốn dịch vụ in ấn	27.383.125.127	29.412.771.231
Giá vốn khác	5.510.234.934	5.150.473.746
	32.893.360.061	34.563.244.977

21 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	275.501.444	257.686.561
	275.501.444	257.686.561

22 CHI PHÍ BÁN HÀNG

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	497.899.484	185.834.000
	497.899.484	185.834.000

23 CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nhân công	2.134.881.315	2.019.614.745
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	25.272.161	27.289.290
Chi phí khấu hao tài sản cố định	62.146.477	35.698.729
Thuế, phí và lệ phí	305.722.426	260.593.673
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.594.704.299	1.352.497.189
Chi phí khác bằng tiền	2.342.640.257	2.809.585.212
	6.465.366.935	6.505.278.838

24 THU NHẬP KHÁC

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	96.981.818	80.872.727
Quyết toán nguyên vật liệu thừa do tiết kiệm	725.938.344	624.082.414
Thu nhập khác	4.553.500	1.210.000
	827.473.662	706.165.141

Trong đó: Thu nhập khác từ bên liên quan
(Xem thông tin chi tiết tại Thuyết minh 30)

375.666.520

386.726.519

25 CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN	1.778.032.179	2.125.485.890
Các khoản điều chỉnh tăng	160.714.805	216.242.638
- Thù lao HĐQT không trực tiếp điều hành	136.000.000	79.500.000
- Các khoản chi phí không được trừ khác	24.714.805	136.742.638
Thu nhập chịu thuế TNDN	1.938.746.984	2.341.728.528
Chi phí thuế TNDN hiện hành (thuế suất 20%)	387.749.397	468.345.706
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	102.011.462	111.829.200
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(333.625.132)	(478.163.444)
Tổng thuế TNDN phải nộp cuối năm	156.135.727	102.011.462

26 LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu có thể phân phối cho các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông của Công ty được thực hiện dựa trên các số liệu sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Lợi nhuận thuần sau thuế	1.390.282.782	1.657.140.184
Lợi nhuận phân bổ cho cổ phiếu phổ thông	1.390.282.782	1.657.140.184
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm	2.095.985	2.095.985
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	663	791

Công ty chưa có dự tính trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ thưởng Ban điều hành trên Lợi nhuận sau thuế tại các thời điểm lập báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2024, Công ty không có các cổ phiếu có tiềm năng suy giảm lãi trên cổ phiếu.

27 CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	7.809.493.396	7.263.433.113
Chi phí nhân công	11.384.666.297	10.793.533.413
Chi phí công cụ, dụng cụ, đồ dùng	25.272.161	27.289.290
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.453.032.757	2.809.625.089
Thuế, phí và lệ phí	305.722.426	981.849.708
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.139.962.401	15.462.438.708
Chi phí khác bằng tiền	3.491.694.717	3.627.409.535
	39.609.844.155	40.965.578.856

28 NHỮNG SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên báo cáo tài chính này.

29 BÁO CÁO BỘ PHẬN

a) Theo lĩnh vực kinh doanh

	Hoạt động in ấn	Hoạt động cho thuê kho	Hoạt động kinh doanh khác	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần	31.176.481.397	4.957.290.422	4.411.662.839	40.545.434.658
Giá vốn hàng bán	27.383.125.127	3.027.169.550	2.483.065.384	32.893.360.061
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3.793.356.270	1.930.120.872	1.928.597.455	7.652.074.597
Tổng chi phí mua tài sản cố định	2.465.351.852	-	1.110.192.234	3.575.544.086
Tài sản bộ phận	23.464.962.348	2.666.609.992	927.991.010	27.059.563.350
Tài sản không phân bổ	-	-	-	23.935.043.192
Tổng tài sản	23.464.962.348	2.666.609.992	927.991.010	50.994.606.542
Nợ phải trả của các bộ phận	3.545.627.815	-	50.000.000	3.595.627.815
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	22.204.016.427
Tổng nợ phải trả	3.545.627.815	-	50.000.000	25.799.644.242

b) Theo khu vực địa lý

Do hoạt động kinh doanh chính của Công ty là in ấn và cho thuê kho chủ yếu diễn ra tại thành phố Hà Nội. Do vậy, Công ty không lập báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

30 NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách và mối quan hệ giữa các bên liên quan và Công ty như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam ("NXBGDVN")	Cổ đông lớn có ảnh hưởng đáng kể
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	Chi nhánh của NXBGDVN
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	Công ty liên kết của NXBGDVN
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	Công ty liên kết của NXBGDVN
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc	Công ty liên kết của NXBGDVN
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	Công ty liên kết của NXBGDVN
Công ty CP Sách đại học - Dạy nghề	Công ty liên kết của NXBGDVN
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản giáo dục	Công ty liên kết của NXBGDVN
Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát, những người quản lý khác của Công ty	Thành viên quản lý chủ chốt của Công ty

Ngoài các thông tin với các bên liên quan đã trình bày tại các thuyết minh trên, Công ty còn có các giao dịch phát sinh trong năm với các bên liên quan như sau:

	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Doanh thu dịch vụ in ấn và bán hàng khác	23.421.644.063	23.573.069.017
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	22.406.069.157	21.898.086.421
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	622.299.536	697.955.334
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	377.655.870	829.955.816
Công ty CP Sách và Thiết bị giáo dục Miền Bắc	15.619.500	147.071.446
Doanh thu khác	4.434.143.941	4.798.355.892
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	1.065.682.351	1.657.549.551
Công ty CP Sách đại học - Dạy nghề	-	61.090.909
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	2.078.121.819	1.911.422.918
Công ty CP Mĩ thuật và Truyền thông	174.981.818	180.506.018
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	26.843.518	30.475.000
Công ty CP Đầu tư và Xuất bản giáo dục	590.863.527	417.138.374
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc	497.650.908	540.173.122
Thu nhập khác	375.666.520	386.726.519
Công ty CP Đầu tư và Phát triển giáo dục Hà Nội	-	13.748.813
Công ty CP Sách và Thiết bị Giáo dục miền Bắc	-	3.938.203
Công ty CP Sách giáo dục tại thành phố Hà Nội	3.362.052	3.917.249
Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội	366.705.580	365.122.254
Chia cổ tức	718.883.200	821.580.800
Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam	718.883.200	821.580.800

Các điều kiện và điều khoản của giao dịch với bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng, cung cấp dịch vụ cho Nhà xuất bản Giáo dục tại thành phố Hà Nội ("Nhà xuất bản") chủ yếu được thực hiện theo các hợp đồng in xuất bản phẩm hàng năm. Theo đó, Công ty đảm bảo tổ chức in và hoàn thiện sách cung cấp cho Nhà xuất bản theo số lượng in, quy cách, thời gian và tiến độ thực hiện của các gói mua sắm dịch vụ in gia công sách giáo dục. Địa điểm giao hàng được thực hiện tại kho của Nhà xuất bản và trên phương tiện của Công ty. Đơn giá công in được xác định theo quy định về đơn giá công in, hoàn thiện sau in, vận chuyển, bốc xếp sách giáo dục của Nhà xuất bản Giáo dục Việt Nam và được điều chỉnh theo tỷ lệ trúng thầu in sách giáo dục phục vụ năm học hàng năm.

Ngoài ra, Công ty còn cung cấp dịch vụ in và cho thuê kho với các bên liên quan khác được thực hiện theo các mức giá và các điều khoản như các giao dịch thông thường được ghi nhận trên hợp đồng.

Thù lao, tiền lương và các khoản thu nhập khác của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và người quản lý khác như sau:

	Chức vụ	Năm 2024 VND	Năm 2023 VND
Bà Nguyễn Thị Thu Hồng	Chủ tịch HĐQT (Bổ nhiệm ngày 22/04/2024)	31.500.000	-
Bà Vũ Thị Hảo	Chủ tịch HĐQT (Hết nhiệm kì ngày 20/04/2024)	-	-
Ông Ngô Quang Thân	Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc	403.868.687	376.376.616
Ông Nguyễn Duy Cường	Thành viên HĐQT (Bổ nhiệm ngày 20/04/2024)	21.000.000	-
Ông Phạm Ngọc Sơn	Thành viên HĐQT (Hết nhiệm kì ngày 20/04/2024)	-	-
Ông Hoàng Hồng Hương	Thành viên HĐQT	28.500.000	10.500.000
Ông Lê Đăng Khoa	Thành viên HĐQT	28.500.000	18.000.000
Ông Ngô Đắc Nam	Phó Giám đốc	272.893.815	243.583.254
Bà Vũ Thị Hoà	Kế toán trưởng	264.549.688	250.550.891
Bà Tạ Thị Thanh Huyền	Trưởng Ban kiểm soát (Bổ nhiệm ngày 22/04/2024)	14.000.000	-
Bà Nguyễn Thị Kim Anh	Trưởng Ban kiểm soát (Hết nhiệm kì ngày 20/04/2024)	5.000.000	12.000.000
Bà Nguyễn Thị Luyện	Kiểm soát viên (Bổ nhiệm ngày 20/04/2024)	7.000.000	-
Ông Lê Quang Hà	Kiểm soát viên (Hết nhiệm kì ngày 20/04/2024)	10.338.794	140.858.798
Ông Nguyễn Đắc Huân	Kiểm soát viên	193.644.966	186.731.798

Ngoài giao dịch với bên liên quan nêu trên, các bên liên quan khác không phát sinh giao dịch trong năm và không có số dư tại ngày kết thúc năm tài chính với Công ty.

31 SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 đã được Công ty TNHH Hãng Kiểm toán AASC kiểm toán



Vũ Thị Hòa
Người lập biểu



Vũ Thị Hòa
Kế toán trưởng



Ngô Quang Thân
Giám đốc
Hà Nội, ngày 05 tháng 03 năm 2025